

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 08-6-2021  
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Tống Thị Điệp
2. Ông Nguyễn Văn Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 325/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D – Sinh năm 1982 ( Có mặt)

Địa chỉ: Số 266 thôn 7, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M – Sinh năm 1968 ( Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày:***

Tôi và ông M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến năm 2002 thì không chung sống với nhau nữa.

Chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 16/6/2002. Từ khi sinh ra cháu do tôi nuôi dưỡng cho đến nay. Nay tôi xác định không còn tình

cảm với ông M nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận tôi và ông M là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Nguyễn Anh T đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

***Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:***

Tôi và bà D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến năm 2002 thì không chung sống với nhau nữa.

Chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 16/6/2002. Nay tôi xác định không còn tình cảm với bà D nữa nên đồng ý với yêu cầu của bà D là yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận tôi và bà D là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Nguyễn Anh T đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

**NHẬN ĐỊNH:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị D là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, mặc dù tại thời điểm chung sống bà D và ông M đều có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Nay bà D đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà D và ông M là vợ chồng, là phù hợp theo quy định tại Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

- Về con chung: Bà D và ông M có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày: 16/6/2002.

Hiện nay, cháu Nguyễn Anh T đã đủ 18 tuổi, bà D và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông M không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng: Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

Tuyên bố quan hệ giữa bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Văn M không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày: 16/6/2002 đã đủ 18 tuổi, hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông M không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60AA/2021/0003930 ngày 23 tháng 4 năm 2021.

*Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Thị Thanh**





